

Số: 21/2019/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Danh mục bí mật nhà nước độ Tối mật  
của ngành thông tin và truyền thông**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 28 tháng 12 năm 2000;*

*Căn cứ Nghị định số 33/2002/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Thông tin và Truyền thông và Bộ trưởng Bộ Công an;*

*Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định Danh mục bí mật nhà nước độ Tối mật của ngành thông tin và truyền thông.*

**Điều 1. Danh mục bí mật nhà nước độ Tối mật của ngành thông tin và truyền thông gồm những tin, tài liệu thuộc phạm vi sau đây:**

1. Thông tin, tài liệu, số liệu, cơ sở dữ liệu, đề án, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phục vụ quốc phòng, an ninh, phòng thủ đất nước, ứng phó với chiến tranh, tình trạng khẩn cấp chưa công bố hoặc không công bố thuộc các lĩnh vực: bưu chính; viễn thông; tần số vô tuyến điện; công nghệ thông tin, điện tử; báo chí; xuất bản, in, phát hành; phát thanh và truyền hình, thông tin điện tử, thông tấn, thông tin đối ngoại, thông tin cơ sở (sau đây gọi tắt là “thông tin và truyền thông”).

2. Thông tin, tài liệu về các cuộc đàm phán, tiếp xúc cấp cao giữa Việt Nam với nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin và truyền thông, kết quả điều tra, công trình nghiên cứu khoa học cấp quốc gia, phát minh, sáng chế, công trình khoa học, giải pháp hữu ích, bí quyết công nghệ ngành thông tin và truyền thông đặc biệt quan trọng với quốc phòng, an ninh, kinh tế, xã hội chưa công bố hoặc không công bố.

3. Văn bản có sử dụng tin, tài liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước độ Tối mật của các cơ quan, tổ chức khác.

**Điều 2. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 05 tháng 8 năm 2019 và thay thế Quyết định số 182/2006/QĐ-TTg ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về Danh mục bí mật nhà nước độ Tối mật trong ngành bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin.



### **Điều 3. Trách nhiệm thi hành**

1. Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ trưởng Bộ Công an chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành Quyết định này.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP; BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT,
- các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NC (2).

**THỦ TƯỚNG**



**Nguyễn Xuân Phúc**